

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 4 năm 2019
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Nga
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xoa
2. Ông Nguyễn Xuân Tùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận HC thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HC tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HC thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 257/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông **Bùi Ngọc T** - Sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: K48/9 đường L, quận HC, thành phố Đà Nẵng

* **Bị đơn:** Bà **Hồ Thị H** - Sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: 109 đường B, quận HC, thành phố Đà Nẵng

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Ngọc T trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và bà Hồ Thị H kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ph, quận S, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại K48/9 đường L, quận HC, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng có nhiều điều bất hòa, không cùng quan điểm. Bà H có thái độ xúc phạm đến tôi, không lo làm ăn và không có trách nhiệm với con cái. Vợ chồng tôi đã sống ly thân hơn 1 năm nay. Trước đây, tôi cũng đã nộp đơn ly hôn một lần nhưng rút đơn. Nay tôi xác định không còn tình cảm gì với bà H và nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi xảy ra đã từ lâu và không còn khả năng hàn gắn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với Bà H.

+ *Về con chung:* Tôi và bà H có 02 con chung tên là Bùi Ngọc Q, sinh ngày: 21/8/1999 và Bùi Ngọc Thùy L, sinh ngày: 28/5/2008. Ly hôn, tôi có nguyện vọng giao cháu L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tôi cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng; còn cháu Q đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bà Hồ Thị H trình bày:**

Tại phiên hòa giải ngày 30/01/2019, bà Hồ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn với ông Bùi Ngọc T.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Bùi Ngọc Q - sinh ngày 21/08/1999 và Bùi Ngọc Thùy L— sinh ngày 28/05/2008. Vì tôi không đồng ý ly hôn nên tôi không muốn đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi có tài sản chung, nợ chung nhưng tôi không muốn ly hôn nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H trình bày: Tôi đồng ý ly hôn với ông T và sẽ người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con ông T đưa ra 2.000.000đ/tháng là không đủ để đảm bảo cuộc sống cho con nên tôi không đồng ý. Tôi yêu cầu ông T phải chu cấp đầy đủ cho con để con có được cuộc sống như lúc cha mẹ chưa ly hôn. Về tài sản chung, tôi yêu cầu ông T phải đưa cho tôi 450.000.000đ, là một nửa số tiền ông T đã bán chiếc xe ô tô. Tuy nhiên, tôi chưa cung cấp được các tài liệu có liên quan cho Tòa án, khi có đủ các tài liệu tôi sẽ khởi kiện sau.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HC tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi HĐXX vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Ngọc T đối với bà Hồ Thị H; giao con chung Bùi Ngọc Thùy L, sinh ngày 28/5/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Bùi Ngọc T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Ngọc T và bà Hồ Thị H tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ph, quận S, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông Bùi Ngọc T đối với bà Hồ Thị H, HĐXX thấy: Theo lời khai của bà H và ông T thì trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Tại phiên tòa hôm nay, ông T và bà H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông bà đồng ý thuận tình ly hôn. HĐXX xét thấy thỏa thuận này của ông T và bà H là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Bùi Ngọc T đối với bà Hồ Thị H.

+ Về con chung: ông T và bà H đều xác định có 02 con chung tên là Bùi Ngọc Q, sinh ngày: 21/8/1999 và Bùi Ngọc Thùy L, sinh ngày: 28/5/2008. Ly hôn, ông T có nguyện vọng giao cháu L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng; còn cháu Q đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập giải quyết.

Xét nguyện vọng về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung của ông T thì thấy:

Hiện nay cháu Q đã đủ tuổi thành niên nên ông T không yêu cầu giải quyết là có cơ sở. Đối với cháu L, hiện nay cháu L đang sống cùng bà H, tại biên bản lấy lời khai ngày 16.01.2019 cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn và bà H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Vì vậy, HĐXX thấy khi ly hôn cần giao cháu L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Tại phiên tòa, bà H không đồng ý với mức cấp dưỡng ông T đưa ra và yêu cầu ông T tăng mức cấp dưỡng. Tuy nhiên, bà H không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể là bao nhiêu nên HĐXX không có cơ sở xem xét yêu cầu của bà. HĐXX thấy, mức cấp dưỡng ông T đưa ra là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 81, 82 Luật HNGĐ, HĐXX thấy cần giao cháu Bùi Ngọc Thùy L cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông T không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Bà H đưa ra yêu cầu nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ và đồng ý sau khi ly hôn, khi bà có đủ các tài liệu chứng cứ về tài sản chung, nợ chung bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Vì vậy, HĐXX không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông T phải chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của Ông Bùi Ngọc T đối với bà Hồ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Bùi Ngọc T đối với bà Hồ Thị H.

2. Về con chung:

Xử: Giao con chung Bùi Ngọc Thùy L, sinh ngày: 28/5/2008 cho bà Hồ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Bùi Ngọc T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Sau ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ Ông Bùi Ngọc T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Ông Bùi Ngọc T đã nộp tại biên lai thu số 0006703 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận HC, thành phố Đà Nẵng. Ông Bùi Ngọc T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TANDTP Đà Nẵng
- VKSND HC
- Chi cục THADS HC
- UBND P.Ph.Q. Sơn Trà, Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Thanh Nga